TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 666/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2021
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Vũ Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Thị Cẩm Vân**

2. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

Thư ký phiên tòa: ông **Lê Huy Khang** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh không tham gia phiên toà.

Vào ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Cao Thị Tố N**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM.

Bị đơn: ông **Trần Chánh Đ**, sinh năm 1971
Địa chỉ: Nguyễn Văn Đậu, phường 06, quận Bình Thạnh, TP.HCM.
(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn là bà Cao Thị Tố N trình bày: bà và ông Đ bắt đầu chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, TP. HCM theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 222 quyển số 02/2006 ngày 22/12/2006. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cãi vã, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay. Nhận thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân này, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, có hai con chung tên là Trần Cao T sinh ngày 07/6/2007 và Trần Cao H sinh ngày 23/3/2012. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Phía bị đơn là ông Trần Chánh Đ: xác nhận ông và bà N bắt đầu chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, TP. HCM theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 222 quyển số 02/2006 ngày 22/12/2006. Những mâu thuẫn bà N trình bày là không đúng, cuộc sống vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà N, mong được hòa giải hàn gắn gia đình. Trong trường hợp phải ly hôn với bà N, ông Đ đồng ý giao 02 con chung là Trần Cao T sinh ngày 07/6/2007 và Trần Cao H sinh ngày 23/3/2012 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Đ không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hình thức, thẩm quyền giải quyết:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà Cao Thị Tố N và ông Trần Chánh Đ là tranh chấp về "Ly hôn". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; hiện ông Trần Chánh Đ cư trú tại phường 06, quận Bình Thạnh, Tp.HCM nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 222 quyển số 02/2006 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, TP. HCM cấp ngày 22/12/2006 thể hiện hôn nhân giữa ông Trần Chánh Đ và bà Cao Thị Tố N là hôn nhân hợp pháp. Bà N yêu cầu ly hôn là do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cãi vã, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng đã ly thân gần 01 năm nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ cho ông Đ và bà N nhưng không thành.

Căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa hôm nay cũng như các tài liệu có trong hồ sơ thì cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận đã sống ly thân gần 01 năm nay. Vào cuối năm 2020 bà N đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ nhưng bà đã rút đơn để hai bên có cơ hội hàn gắn gia đình nhưng không thành. Cuộc sống hôn nhân gia đình phải xuất phát từ hai phía cùng nhau xây dựng vun đắp, trong thời gian gần 01 năm ly thân ông Đ và bà N đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thành, tại phiên tòa hôm nay

bà N xác định không còn tình cảm với ông Đ, kiên quyết xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì tòa án quyết định cho ly hôn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: ông Đ và bà N có hai con chung tên là Trần Cao T sinh ngày 07/6/2007 và Trần Cao H sinh ngày 23/3/2012. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp ly hôn, ông Đ cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, xét đây là sự thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định pháp luật, đồng thời cũng là nguyện vọng của 02 con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng, bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Đạo và bà Nguyệt không yêu cầu giải quyết.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, 54, 56, 57, 58, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Cao Thị Tố N:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Cao Thị Tố N được ly hôn với ông Trần Chánh Đ.

2. Về con chung: giao cho bà Cao Thị Tố N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung tên là Trần Cao T sinh ngày 07/6/2007 và Trần Cao H sinh ngày 23/3/2012. Bà Cao Thị Tố N không yêu cầu ông Trần Chánh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Chánh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Cao Thị Tố N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0089074 ngày 11/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP.HCM, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM
- VKSND Q.BT
- Chi cục THA DS Q.BT
- Đương sự
- Lưu

Hoàng Vũ Nam